FIDELITY GUARANTEE INSURANCE

Terms and Conditions(VN)

BẢO HIỂM BẢO LÃNH LÒNG TRUNG THÀNH

Điều khoản và Điều kiện chung

Điều 1 (Hình thành Hợp đồng Bảo hiểm Bảo lãnh Lòng trung thành)

① Hợp đồng Bảo hiểm Bảo lãnh Lòng trung thành được hình thành khi bên mua Bảo hiểm Bảo lãnh Lòng trung thành nộp đơn yêu cầu cấp Bảo hiểm Bảo lãnh Lòng trung thành (sau đây gọi là "Đơn yêu cầu") và Chi Nhánh Công ty Bảo hiểm Bảo lãnh Seoul tại Hà Nội chấp nhận đơn này (sau đây, thuật ngữ "Hợp đồng Bảo hiểm Bảo lãnh Lòng trung thành" được gọi tắt là "Hợp đồng", "Bên mua Bảo hiểm Bảo lãnh Lòng trung thành" được gọi tắt là "Bên mua bảo hiểm", và "Chi nhánh Công ty Bảo hiểm Bảo lãnh Seoul tại Hà Nội" được gọi tắt là "Công ty").

② Bất kì Đơn yêu cầu và sự chấp nhận liên quan đến Hợp đồng phải được thực hiện bằng văn bản. Công ty chấp nhận Đơn yêu cầu của Bên mua bảo hiểm bằng cách cấp Giấy chứng nhận Bảo hiểm Bảo lãnh Lòng trung thành (sau đây gọi là "Giấy chứng nhận") cho Bên mua bảo hiểm.

③ Trường hợp trước khi được Công ty chấp nhận, Bên mua bảo hiểm đã cọc cho Công ty một khoản tiền tương đương với phí bảo hiểm (nếu có), thì khi Công ty chấp nhận Đơn yêu cầu, khoản tiền cọc đó sẽ được coi là phí bảo hiểm, và theo đó Hợp đồng được giao kết. Nếu Công ty từ chối Đơn yêu cầu, Công ty phải thông báo việc từ chối và hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm số tiền đã cọc cho Công ty liên quan tới Đơn yêu cầu bị từ chối.

④ Nếu Hợp đồng đã được giao kết được gia hạn hoặc sửa đổi, Công ty có thể ghi nhận việc gia hạn hoặc sửa đổi Giấy chứng nhận đó thay vì phát hành một Giấy chứng nhận khác.

Điều 2 (Nghĩa vụ cung cấp Điều khoản và Điều kiện Chung, và Nghĩa vụ giải thích, v.v.)

① Khi nhận được Đơn yêu cầu từ Bên mua bảo hiểm, Công ty phải cung cấp cho Bên mua bảo hiểm một bản sao của Điều khoản và Điều kiện chung, cùng với một bản sao của Đơn yêu cầu để lưu giữ, và giải thích các điều khoản quan trọng trong Điều khoản và Điều kiện chung.

② Đơn yêu cầu do Bên mua bảo hiểm ký và nộp và Điều khoản và Điều kiện chung do Công ty cung cấp cho Bên mua bảo hiểm theo quy định tại khoản ① của điều này sẽ là phần không tách rời của Hợp đồng.

Điều 3 (Thời điểm bắt đầu trách nhiệm bảo hiểm của Công ty)

① Công ty được xem là đã chấp nhận Đơn yêu cầu vào ngày được ghi trong Giấy chứng nhận do Công ty cấp cho Bên mua bảo hiểm.

② Công ty sẽ cung cấp bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm theo quy định tại các Điều khoản và Điều kiện chung này kể từ thời điểm Công ty chấp nhận Đơn yêu cầu và nhận được phí bảo hiểm.

Điều 4 (Rút lại Đơn yêu cầu)

Trước khi Công ty chấp nhận Đơn yêu cầu, Bên mua bảo hiểm có quyền rút lại Đơn yêu cầu của mình. Khi nhận được thông báo rút đơn từ Bên mua bảo hiểm, Công ty sẽ hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm toàn bộ số tiền mà Bên mua bảo hiểm đặt cọc (nếu có) cho Công ty liên quan tới Đơn yêu cầu được rút lại này, nhưng không bao gồm lãi.

Điều 5 (Sửa đổi Điều khoản và Điều kiện của Hợp đồng, v.v.)

① Bên mua bảo hiểm có thể sửa đổi các điều khoản và điều kiện sau của Hợp đồng với sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty. Trong trường hợp đó, việc chấp thuận sửa đổi các điều khoản và điều kiện sẽ được Công ty thông báo riêng bằng văn bản hoặc ghi nhận ở mặt sau của Giấy chứng nhận:

1. Thời hạn bảo hiểm;

2. Các nội dung khác của Hợp đồng, bao gồm Bên mua bảo hiểm, Bên thụ hưởng, Bên có nghĩa vụ và số tiền bảo hiểm.

② Nếu Bên mua bảo hiểm có ý định rút ngắn thời hạn bảo hiểm và/hoặc giảm số tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản ① Điều này, và nếu bất kỳ phần nào của phí bảo hiểm phải hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm do những thay đổi này, thì Công ty sẽ hoàn trả khoản đó cho Bên mua bảo hiểm theo quy định tại Điều 14 (Hoàn phí bảo hiểm).

Điều 6 (Phạm vi bảo hiểm)

Công ty, căn cứ theo các điều khoản ghi trong Giấy chứng nhận và các Điều khoản và Điều kiện chung này, sẽ bồi thường cho Bên thụ hưởng chỉ đối với những tổn thất thực tế và trực tiếp về tài sản phát sinh do các hành vi của Bên có nghĩa vụ thực hiện, như được quy định trong Giấy chứng nhận, giới hạn ở hành vi trộm cắp, cướp, lừa đảo và tham ô.

<Định nghĩa>

1. “Tổn thất thực tế” là khoản thiệt hại mà Bên có nghĩa vụ phải bồi thường cho Bên thụ hưởng, được xác định theo thỏa thuận khác hoặc theo quy định pháp luật (nếu có).

2. “Tài sản” là những giá trị như tiền, quỹ, hàng hóa, tài sản hữu hình và chứng khoán có thể giao dịch.

3. “Bên có nghĩa vụ” là người có quan hệ lao động với Bên thụ hưởng, làm việc cho Bên thụ

hưởng theo thỏa thuận và chịu sự quản lý, kiểm soát, giám sát của Bên thụ hưởng.

4. “Quan hệ lao động” là mối quan hệ xã hội phát sinh liên quan đến việc làm và việc trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động.

5. “Trộm cắp” là hành vi công khai hoặc lén lút chiếm đoạt tài sản của Bên thụ hưởng mà không được phép.

6. “Cướp” là hành vi dùng vũ lực, đe dọa sử dụng vũ lực ngay lập tức hoặc thực hiện hành vi khác khiến Bên thụ hưởng không thể chống cự, nhằm chiếm đoạt tài sản của Bên thụ hưởng.

7. “Lừa đảo” là hành vi chiếm đoạt tài sản của Bên thụ hưởng bằng cách cung cấp thông tin sai lệch, che giấu sự thật, hoặc thực hiện các hành vi lừa dối khác.

8. “Tham ô” là hành vi lợi dụng chức vụ hoặc quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của Bên thụ hưởng mà người đó có trách nhiệm quản lý.

Điều 7 (Điều kiện phát sinh trách nhiệm bảo hiểm)

① Công ty sẽ bồi thường cho Bên thụ hưởng đối với tổn thất thực tế và trực tiếp về tài sản khi tổn thất:

1. Xảy ra a) vào hoặc sau Ngày hiệu lực hồi tố được ghi trong Giấy chứng nhận, và b) vào hoặc trước ngày hết hiệu lực, hoặc ngày chấm dứt thời hạn bảo hiểm, và

2. được phát hiện a) trong thời hạn bảo hiểm, hoặc b) trong vòng sáu tháng kể từ (x) ngày hết hiệu lực của thời hạn bảo hiểm, hoặc (y) ngày chấm dứt quan hệ lao động giữa Bên có nghĩa vụ và Bên thụ hưởng, tùy thời điểm nào xảy ra trước.

<Định nghĩa>

″Phát hiện” được coi là đã xảy ra khi cán bộ và/hoặc nhân viên của Bên thụ hưởng (ngoại trừ Bên có nghĩa vụ) lần đầu tiên nhận biết các sự kiện mà từ đó một người có nhận thức có thể suy ra rằng đã xảy ra tổn thất trực tiếp và thực tế đối với tài sản được bảo hiểm theo Hợp đồng, ngay cả khi số tiền chính xác hoặc chi tiết của tổn thất đó chưa được xác định.

② Công ty sẽ không bồi thường cho Bên thụ hưởng khoản thiệt hại thực tế và trực tiếp về tài sản nếu tổn thất:

1. Xảy ra a) trước Ngày hiệu lực hồi tố được ghi trong Giấy chứng nhận, hoặc b) sau ngày hết hạn hoặc chấm dứt thời hạn bảo hiểm, hoặc

2. Không được phát hiện a) trong thời hạn bảo hiểm, hoặc b) trong vòng sáu tháng kể từ (x) ngày hết hiệu lực bảo hiểm, hoặc (y) ngày chấm dứt quan hệ lao động giữa Bên có nghĩa vụ và Bên thụ hưởng, tùy thời điểm nào xảy ra trước.

③ Trong trường hợp Hợp đồng được tái tục, các điều kiện phát sinh trách nhiệm bảo hiểm quy định tại điểm 2(b) của khoản ① và điểm 2(b) của khoản ② sẽ không được áp dụng.

Điều 8 (Chi trả tiền bồi thường)

① Số tiền bồi thường mà Công ty phải trả cho Bên thụ hưởng chính là khoản tiền mà Bên có nghĩa vụ phải bồi thường cho Bên thụ hưởng đối với tổn thất trực tiếp và thực tế về tài sản của Bên thụ hưởng phát sinh từ một sự kiện tổn thất.

<Định nghĩa>

"Sự kiện tổn thất" là một hành vi đơn lẻ, hoặc sự kết hợp của tất cả các hành vi đơn lẻ, hoặc một chuỗi hành vi liên tục do Bên có nghĩa vụ thực hiện, dẫn đến bất kỳ tổn thất trực tiếp và thực tế nào đối với tài sản thuộc phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng.

② Trong trường hợp có "bất kỳ khoản giảm trừ nào" tại thời điểm tính toán số tiền bồi thường, thì các khoản đó sẽ được coi là đã được dùng trước tiên để bù đắp cho bất kỳ tổn thất nào, phần tổn thất đã được bù đắp không thuộc phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng.

<Định nghĩa>

"Bất kỳ khoản giảm trừ nào" là bất kỳ khoản tiền nào được giảm trừ do việc hoàn trả của Bên có nghĩa vụ, việc thu hồi của Bên thụ hưởng, việc miễn trừ hoặc giảm trừ theo quyết định của Bên thụ hưởng hoặc theo pháp luật hiện hành, hoặc bất kỳ khoản tiền nào thuộc diện được cấn trừ.

③ Số tiền bồi thường theo quy định tại các khoản ① đến ② nêu trên sẽ không vượt quá số tiền bảo hiểm cho Bên có nghĩa vụ được ghi trong Giấy chứng nhận.

④Trách nhiệm bảo hiểm của Công ty theo Hợp đồng, trong mọi trường hợp, không được cộng gộp hoặc hợp nhất với trách nhiệm của Công ty theo bất kỳ hợp đồng trước hoặc sau nào, hoặc theo bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào khác. Mức trách nhiệm tối đa của Công ty sẽ được giới hạn ở số tiền bảo hiểm ghi rõ trong Hợp đồng.

Điều 9 (Loại trừ bảo hiểm)

① Công ty sẽ không bồi thường cho Bên thụ hưởng đối với:

1. Các khoản tiền phạt, tiền phạt vi phạm, hoặc tiền bồi thường mang tính trừng phạt;

2. Doanh thu chưa thực hiện được, bao gồm nhưng không giới hạn ở lãi và cổ tức;

3. Tất cả các khoản phí, chi phí và lệ phí; và

4. Các tổn thất gián tiếp hoặc hệ quả, ngoại trừ những trường hợp được nêu tại các điểm 1 đến 3 ở trên.

② Công ty sẽ không bồi thường cho Bên thụ hưởng đối với thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh từ các nguyên nhân sau:

1. Việc Bên thụ hưởng mua lại tài sản trái với quy định và pháp luật;

2. Thiệt hại vật chất đối với tài sản;

3. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà Bên thụ hưởng phải gánh chịu theo quy định của pháp luật.

4. Việc không thực hiện nghĩa vụ do chiến tranh, cách mạng, nội chiến, khẩn cấp, khủng bố, bạo loạn, gây rối trật tự, hoặc bất kỳ sự kiện nào khác tương tự nằm trong phạm vi sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

5. Việc không thực hiện nghĩa vụ do thiên tai, chẳng hạn như động đất, núi lửa phun trào, lũ lụt, sóng thần, hoặc bất kỳ thảm họa tự nhiên nào khác tương tự thuộc phạm vi sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

6. Việc không thực hiện nghĩa vụ do các tai nạn phát sinh từ tính phóng xạ, tính nổ, các đặc tính độc hại khác của nhiên liệu hạt nhân (bao gồm nhiên liệu đã qua sử dụng; sau đây gọi chung là "nhiên liệu hạt nhân") hoặc các vật liệu (bao gồm cả vật liệu sinh ra từ phản ứng phân hạch hạt nhân) bị nhiễm bẩn bởi nhiên liệu hạt nhân.

Điều 10 (Nghĩa vụ thông báo trước khi giao kết Hợp đồng)

① Tại thời điểm nộp Đơn yêu cầu, Bên mua bảo hiểm hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Bên mua bảo hiểm phải cung cấp đầy đủ và trung thực tất cả các thông tin mà mình biết để trả lời các câu hỏi trong Đơn yêu cầu bảo hiểm, bao gồm cả các bảng câu hỏi kèm theo (nếu có).

②Trước khi ký kết Hợp đồng, các bên phải tuân thủ tất cả các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 11 (Nghĩa vụ thông báo sau khi giao kết Hợp đồng)

① Sau khi ký kết Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm và/hoặc Bên thụ hưởng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Công ty khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây:

1. Có sự thay đổi hoặc dự định thay đổi các nội dung đã kê khai trong Đơn bảo hiểm;

2. Thay đổi Bên có nghĩa vụ;

3. Thay đổi Bên mua bảo hiểm và/hoặc Bên thụ hưởng;

4. Có sự thay đổi về số tiền bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác có ảnh hưởng trọng yếu đến trách nhiệm trả tiền bồi thường của Công ty.

② Khi nhận được thông báo theo quy định tại Khoản ① trên, Công ty phải quyết định xem có chấp nhận những thay đổi đó hay không trong vòng một (1) tháng, đồng thời có thể điều chỉnh phí bảo hiểm tương ứng bằng cách thu thêm phí bảo hiểm hoặc hoàn trả một phần phí bảo hiểm.

③ Bên mua bảo hiểm và/hoặc Bên thụ hưởng phải chịu mọi tổn thất xảy ra do không thông báo kịp thời như quy định tại Khoản ① trên.

④ Nếu Bên mua bảo hiểm đã thay đổi địa chỉ hay thông tin liên lạc, Bên mua bảo hiểm phải thông báo ngay lập tức cho Công ty. Nếu Bên mua bảo hiểm không thông báo, mọi văn bản được Công ty gửi đến địa chỉ hoặc thông tin liên hệ cuối cùng đã được lưu trong hồ sơ sẽ được coi là đã được giao hợp lệ sau khi hết thời hạn thông thường cần thiết để giao nhận.

Điều 12 (Chấm dứt Hợp đồng)

① Bên mua bảo hiểm có thể chấm dứt Hợp đồng bất kỳ lúc nào.

② Công ty có thể chấm dứt Hợp đồng khi Bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm, chậm trễ đóng phí bảo hiểm, hoặc vi phạm nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm.

③ Hợp đồng có thể chấm dứt trong trường hợp Công ty hoặc Bên mua bảo hiểm không chấp nhận yêu cầu về thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm quy định tại Điều 11 của Điều khoản và Điều kiện chung này;

④ Hợp đồng có thể bị chấm dứt trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi được bảo hiểm.

⑤ Hợp đồng có thể bị chấm dứt trong một số trường hợp khác được quy định trong Luật Kinh doanh bảo hiểm và các luật áp dụng khác.

Điều 13 (Hợp đồng vô hiệu)

① Hợp đồng sẽ vô hiệu nếu Bên mua bảo hiểm hoặc Bên thụ hưởng cố ý cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc sai sự thật nhằm mục đích giao kết Hợp đồng.

② Hợp đồng sẽ vô hiệu nếu được giao kết do lừa đảo gian lận.

③ Hợp đồng sẽ vô hiệu trong một số trường hợp khác quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm.

④ Khi Hợp đồng vô hiệu thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Công ty và Bên mua bảo hiểm hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên bị ảnh hưởng.

Điều 14 (Hoàn phí Bảo hiểm)

① Công ty sẽ hoàn lại phí bảo hiểm quy định tại Hợp đồng trong những trường hợp sau:

1. Khi Bên mua bảo hiểm thay đổi số tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản ① Điều 5 của Điều khoản và Điều kiện chung này.

2. Khi Bên mua bảo hiểm thay đổi thời hạn bảo hiểm theo quy định tại khoản ① Điều 5 của Điều khoản và Điều kiện chung này.

3. Hợp đồng bị chấm dứt như quy định tại Điều 12 của Điều khoản và Điều kiện chung này.

4. Quan hệ lao động giữa Bên có nghĩa vụ và Bên mua bảo hiểm không được thiết lập mặc dù Công ty đã cấp Giấy chứng nhận cho Bên mua bảo hiểm.

② Bên mua bảo hiểm phải nộp Giấy Chứng nhận và các tài liệu chứng minh căn cứ để hoàn phí bảo hiểm theo khoản ① Điều này khi yêu cầu hoàn phí bảo hiểm.

③ Số phí bảo hiểm được hoàn lại trong trường hợp điểm 1 khoản ① của Điều này là chênh lệch giữa mức phí bảo hiểm được tính toán lại trên cơ sở số tiền bảo hiểm đã giảm cho thời hạn bảo hiểm còn lại và phần phí bảo hiểm chưa được hưởng của mức phí ban đầu

④ Số phí bảo hiểm được hoàn lại trong trường hợp các điểm 2 và 3 khoản ① Điều này là phần phí bảo hiểm chưa được hưởng, được xác định bằng số phí bảo hiểm đã thu trừ đi phần phí bảo hiểm đã được hưởng (với điều kiện nếu mức phí tối thiểu cao hơn phí đã được hưởng thì áp dụng mức phí tối thiểu).

⑤ Số phí bảo hiểm được hoàn lại trong trường hợp điểm 4 khoản ① của Điều này là số phí hoặc tiền đặt cọc đã thu trừ đi mức phí tối thiểu.

⑥ Phần phí bảo hiểm đã được hưởng quy định tại khoản ④ nêu trên được tính theo tỷ lệ ngày cho khoảng thời gian đã trôi qua kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm đến ngày Công ty nhận được hồ sơ yêu cầu hoàn phí.

⑦ Phí bảo hiểm chưa được hưởng quy định ở khoản ③ Điều này là số phí bảo hiểm Công ty đã thu trừ đi phần phí bảo hiểm đã được hưởng.

⑧ Công ty sẽ không hoàn trả bất kỳ khoản phí bảo hiểm nào liên quan đến Bên có nghĩa vụ mà đã xảy ra sự kiện tổn thất theo Hợp đồng.

Điều 15 (Chuyển nhượng)

Việc chuyển nhượng đối tượng được bảo hiểm theo Hợp đồng sẽ không có hiệu lực ràng buộc đối với Công ty nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty. Trong trường hợp Công ty chấp thuận bằng văn bản, thì mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng sẽ được coi là đã được chuyển nhượng cùng với đối tượng bảo hiểm.

Điều 16 (Chuyển nhượng hoặc Cung cấp bảo đảm đối với quyền yêu cầu bồi thường)

Quyền của Bên thụ hưởng đối với việc yêu cầu thanh toán tiền bồi thường phát sinh theo Hợp đồng không được chuyển nhượng, chuyển giao hoặc dùng làm tài sản bảo đảm cho bất kỳ bên thứ ba nào nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Công ty.

Điều 17. (Nghĩa vụ Thông báo, Ngăn chặn và Giảm thiểu tổn thất)

① Bên mua bảo hiểm và Bên thụ hưởng phải thông báo ngay cho Công ty khi phát hiện bất kỳ tổn thất trực tiếp và thực tế nào đối với tài sản. Nếu Bên mua bảo hiểm và Bên thụ hưởng có lý do để tin rằng tổn thất trực tiếp và thực tế về tài sản đó liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật, họ cũng phải thông báo sự việc này cho cơ quan thực thi pháp luật.

② Bên mua bảo hiểm và Bên thụ hưởng phải thực hiện mọi biện pháp hợp lý và tích cực để ngăn ngừa bất kỳ tổn thất trực tiếp và thực tế nào đối với tài sản được bảo hiểm theo Hợp đồng, đồng thời phải tuân thủ các chỉ dẫn của Công ty (nếu có) liên quan đến vấn đề này.

③ Bên mua bảo hiểm và Bên thụ hưởng phải thực hiện mọi biện pháp hợp lý và tích cực để giảm thiểu bất kỳ tổn thất trực tiếp và thực tế nào đối với tài sản được bảo hiểm theo Hợp đồng, đồng thời phải tuân thủ các chỉ dẫn của Công ty (nếu có) liên quan đến vấn đề này.

④ Nếu Bên thụ hưởng, do hành vi cố ý hoặc lỗi nghiêm trọng, vi phạm các nghĩa vụ theo khoản ② hoặc ③ nêu trên, thì bất kỳ phần tổn thất nào lẽ ra có thể tránh được hoặc giảm thiểu được nếu không có sự vi phạm đó sẽ bị loại trừ khỏi số tiền bồi thường được thanh toán theo Hợp đồng.

Điều 18. (Yêu cầu Thanh toán tiền bồi thường)

① Khi Bên thụ hưởng yêu cầu thanh toán tiền bồi thường, Bên thụ hưởng phải nộp cho Công ty những tài liệu sau:

1. Một giấy yêu cầu thanh toán tiền bồi thường;

2. Những tài liệu xác minh tư cách Bên thụ hưởng;

3. Giấy chứng nhận hoặc một bản sao của Giấy chứng nhận;

4. Các tài liệu minh chứng rằng tổn thất đòi bồi thường là tổn thất thực tế và trực tiếp về tài sản được bảo hiểm theo Hợp đồng.

5. Các tài liệu khác theo yêu cầu của Công ty

② Khi nhận được yêu cầu thanh toán tiền bồi thường theo khoản ①, Công ty sẽ rà soát và quyết định số tiền bồi thường phải trả, và thanh toán số tiền đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày số tiền bồi thường được xác định.

③ Nếu Công ty không thanh toán tiền bồi thường trong thời hạn quy định tại khoản ② nêu trên, Công ty phải trả lãi trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, được tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày số tiền bồi thường thực tế được chi trả; với điều kiện rằng, nếu Giấy chứng nhận quy định rõ một mức lãi suất hoặc thời hạn thanh toán khác theo yêu cầu của Bên thụ hưởng hoặc Bên mua bảo hiểm, thì các quy định đó sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 19. (Thời hạn yêu cầu bồi thường)

Thời hạn yêu cầu bồi thường là một năm kể từ ngày phát sinh sự kiện tổn thất.

Điều 20. (Quyền thu hồi nợ và thế quyền)

Nếu Công ty chi trả tiền bồi thường cho Bên thụ hưởng mà không có thỏa thuận nào khác, Công ty có quyền yêu cầu bồi hoàn từ Bên có nghĩa vụ, và trong phạm vi không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Bên thụ hưởng, Công ty sẽ được thế quyền đối với bất kỳ quyền truy đòi nào mà Bên thụ hưởng có thể có đối với Bên có nghĩa vụ, tương ứng với phạm vi và số tiền bồi thường đã chi trả.

Điều 21 (Khoản thu hồi)

Bất kỳ khoản tiền nào được Bên có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty, hoặc do Công ty thu hồi thông qua xử lý tài sản bảo đảm, bù trừ, thu hồi nợ hoặc bằng bất kỳ cách thức nào khác, sẽ được ưu tiên sử dụng để hoàn trả cho Công ty đối với số tiền bồi thường đã thanh toán cho Bên thụ hưởng, và sẽ không được sử dụng để thanh toán bất kỳ khoản nợ nào mà Bên có nghĩa vụ còn nợ Bên thụ hưởng, trừ khi và cho đến khi Công ty đã được thanh toán đầy đủ đối với quyền đòi bồi hoàn được thế quyền.

Điều 22 (Quyền tài phán)

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc Trọng tài của VIAC. Địa điểm trọng tài là Hà Nội, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt. Số lượng trọng tài viên là ba (03). Phán quyết trọng tài được ban hành bởi Hội đồng trọng tài sẽ là chung thẩm và có giá trị ràng buộc đối với các bên. Không ảnh hưởng đến quy định nêu trên, Công ty, Bên mua bảo hiểm và Bên thụ hưởng có thể thỏa thuận bằng văn bản để chỉ định một cơ quan giải quyết tranh chấp khác đối với bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng.

Điều 23 (Luật điều chỉnh)

Điều khoản và Điều kiện chung này được điều chỉnh bởi luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.